

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**
Số: 170/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hiệp Hoà, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: A Nguyễn A T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện H, tỉnh B.

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và A Nguyễn A T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và A Nguyễn A T thống nhất thoả thuận giao con chung là Nguyễn Hoàng Duy A, sinh ngày 21/02/2019 cho chị Q nuôi dưỡng. A T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị Q, mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01 tháng, tính từ tháng 9/2020 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Sau khi ly hôn, A Nguyễn A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở A T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng cA tác, công sức và các quan hệ khác: Chị Nguyễn Thị Q và A Nguyễn A T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003943 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Q số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

A Nguyễn A T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang ;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Toàn